

UỶ BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

Số: 2469 / 2001/QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

A.70b

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v ban hành Quy định về một số biện pháp khuyến khích
và bảo đảm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi).
- Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/11/1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 09/6/2000 và Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Căn cứ Quyết định số 53/TTg ngày 26/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.
- Căn cứ Quyết định số 233/1998/QĐ-TTg ngày 01/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Căn cứ Quyết định số 189/2000/QĐ-BTC ngày 24/11/2000 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định về tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển đối với các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Xét đề nghị của Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh về việc đề nghị thực hiện đề án cải thiện môi trường đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm đầu tư nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2001. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên có nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện bản Quy định này.

Điều 3.- Các ông, bà: Chánh Văn phòng HĐND & UBND tỉnh, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên, thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (TH)
- VP Chính phủ
- Bộ KH và Đầu tư
- TT Tỉnh uỷ
- HĐND tỉnh
- Các sở, ban, ngành trong tỉnh
- UBND các huyện, TX, TP
- Lưu: VP-NV-SXKD-TH
(H1.A) *TC*

**TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH**



Lương Đức Tính



ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

A.70b

QUY ĐỊNH

VỀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo QĐ số : 2469 /2001/QĐ-UB ngày 26 /6/20001
của UBND tỉnh Thái Nguyên

I- Một số quy định chung về đầu tư và thủ tục đầu tư nước ngoài tại tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1.- Tỉnh Thái Nguyên bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước Việt Nam và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực sau đây :

- Nuôi, trồng, bảo quản, chế biến và xuất khẩu nông lâm sản (chè, hoa quả, gỗ, thực phẩm, gà, lợn)...
- Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, khai khoáng, luyện kim, điện, cơ khí chế tạo sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến.
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu và sử dụng nhiều lao động.
- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, giao thông, du lịch, cấp thoát nước và xử lý chất thải đô thị.

Điều 2.- UBND tỉnh Thái Nguyên thực hiện các biện pháp sau đây nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

1) Công bố công khai :

- Danh mục các dự án thu hút đầu tư nước ngoài tại địa phương.
- Các thủ tục liên quan đến hình thành, thẩm định, triển khai và thực hiện dự án đầu tư thuộc thẩm quyền.
- Khung giá thuê đất cho từng khu vực.

2) Quy định thời hạn hoàn thành việc thẩm định, tham gia thẩm định dự án và thông báo quyết định cho nhà đầu tư như sau :

- 7 ngày làm việc đối với dự án đăng ký cấp giấy phép đầu tư.
- 20 ngày làm việc đối với dự án thuộc quyền thẩm định và cấp giấy phép đầu tư của UBND tỉnh.
- 10 ngày làm việc đối với dự án mà UBND tỉnh tham gia thẩm định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định và cấp giấy phép đầu tư.

Thời hạn nêu trên được kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3) Cung ứng miễn phí bản đồ quy hoạch chi tiết và bản đồ địa chính khu đất cho thuê; hướng dẫn lập hồ sơ xin thuê đất và ký hợp đồng thuê đất; lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng (trường hợp nhà nước cho thuê đất) hoặc hướng dẫn lập phương án đền bù giải phóng mặt bằng (trường hợp bên Việt Nam tham gia liên doanh góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất).

4) Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư :

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (trong trường hợp cần đánh giá).
- Đăng ký kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu...
- Giải quyết các thủ tục Hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

Điều 3.- Quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh được quy định như sau :

1) Sở Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 2016/QĐ-UB ngày 4/8/1998 của UBND tỉnh.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên (Ban QLKC) là cơ quan trực tiếp giúp UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đầu tư tại khu công nghiệp theo quy định tại Quyết định số 2396/2000/QĐ-UB ngày 13/10/2000 của UBND tỉnh.

2) Các ngành, địa phương trong tỉnh theo chức năng và thẩm quyền của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với sở KHĐT và Ban QLKC trong công tác quản lý doanh nghiệp; tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Chính phủ và UBND tỉnh, không được tùy tiện định ra các quy định riêng dưới bất kỳ hình thức nào.

Để tránh chồng chéo, trùng lặp về thời gian và nội dung làm việc, yêu cầu các ngành, địa phương khi cần làm việc với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì trao đổi với sở KHĐT (hoặc với Ban QLKC nếu doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp). Sở KHĐT (Ban QLKC) có trách

nhiệm thu xếp lịch làm việc và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết trước ít nhất 05 ngày.

3) Các cơ quan, ban, ngành chức năng của tỉnh chỉ được tiến hành kiểm tra, thanh tra hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các Bên hợp doanh sau khi đã báo cáo và được UBND tỉnh cho phép (trừ trường hợp vi phạm pháp luật cần xử lý ngay).

Các ngành có chức năng kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ phải phân công một đơn vị đầu mối chuyên trách, tránh tình trạng cùng một ngành có nhiều đơn vị đến doanh nghiệp.

Điều 4.- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các Bên hợp doanh trình bày với UBND tỉnh (thông qua sở KHĐT hoặc Ban QLKC/N nếu dự án đầu tư tại khu công nghiệp) để được UBND tỉnh giải quyết hoặc đề nghị giải quyết nếu vượt thẩm quyền.

Thời hạn trả lời các doanh nghiệp, các Bên hợp doanh về những đề nghị giải quyết khó khăn, vướng mắc được quy định như sau :

- Không quá 03 ngày làm việc đối với những vấn đề ít liên quan đến các ngành và địa phương trong tỉnh.

- Không quá 07 ngày làm việc đối với những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, địa phương.

- Chuyển ngay kiến nghị của doanh nghiệp, của các Bên hợp doanh đến Trung tâm hướng dẫn và xử lý đầu tư trực tiếp nước ngoài (CIMI) đối với những vấn đề vượt thẩm quyền; đồng thời đôn đốc việc giải quyết và thông báo cho doanh nghiệp, các Bên hợp doanh ngay sau khi có kết quả.

II- Bảo đảm và ưu đãi đầu tư ngoài chính sách chung của Chính phủ Việt Nam.

Điều 5.- Các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên được bảo đảm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng như sau :

1) Khuyến khích, hỗ trợ thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh tại khu công nghiệp.

2) Hỗ trợ xây dựng hoặc xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, nếu nhà đầu tư đã xây dựng hoặc ứng vốn xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng

rào cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thì sẽ được hoàn trả theo hai cách sau :

- Trừ dần chi phí đầu tư vào phí sử dụng các dịch vụ thích hợp.
- Thanh toán bằng hình thức đổi đất lấy công trình để nhà đầu tư có thêm mặt bằng phát triển sản xuất kinh doanh với các điều kiện ưu đãi.

Điều 6.- Dự án đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh được áp dụng cùng một mức giá đối với dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác do Nhà nước định giá như các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất kinh doanh cùng lĩnh vực tại tỉnh Thái Nguyên.

Người nước ngoài làm việc lâu dài trong các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Thái Nguyên (từ 01 năm trở lên) và các thành viên trong gia đình cư trú tại Việt Nam được cấp thẻ ưu đãi để hưởng cùng một mức giá dịch vụ như người Việt Nam khi tham dự các hoạt động văn hoá - thể thao, tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 7.- Về giá tiền thuê đất và miễn, giảm tiền thuê đất quy định như sau :

1) Đất nội thành, nội thị ở thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công và các thị trấn : Giá thuê đất là 0,09USD/m²/năm (áp dụng mức tối thiểu hoặc tính các hệ số bằng 1).

2) Các loại đất khác :

Đất khu dân cư, đất chuyên dùng, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản, đất chưa sử dụng nhưng có khả năng dùng vào sản xuất nông lâm nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản : Đơn giá cho thuê đất là như sau :

Trung du : 0,030 USD/m²/năm; Miền núi : 0,010 USD/m²/năm (tính các hệ số bằng 1).

Đất không thuộc đô thị, không phải đất chuyên dùng, hiện chưa phải là đất khu dân cư, chưa dùng được vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản : Áp dụng mức giá 50 USD/ha/năm (tính các hệ số bằng 1). Riêng đối với đất tại các vùng núi đá, đồi trọc, đất xấu khó sử dụng thì đơn giá thuê đất là 30 USD/ha/năm (tính các hệ số bằng 1).

3) Trường hợp sử dụng đất cho các dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản thì đơn giá thuê đất được tính bằng 50% mức giá quy định tại khoản 1 và 2 của điều này.

4) Giá thuê mặt nước : Mặt nước sông, hồ có đơn giá tiền thuê là 75 USD/ha/năm (tính các hệ số bằng 1). Riêng đối với những công trình kiến trúc xây dựng trên mặt nước thuộc nội thành, nội thị thì áp dụng đơn giá thuê đất quy định tại khoản 1 điều này.

5) Chế độ miễn giảm tiền thuê đất :

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản.

b) Miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày hoàn thành xây dựng cơ bản đưa dự án vào hoạt động. Riêng đối với các dự án trồng rừng, trong suốt thời gian kinh doanh còn được giảm 90% số tiền thuê đất phải trả.

c) Trường hợp trả trước tiền thuê đất 01 lần cho nhiều năm ngay trong năm đầu thì được giảm tiền thuê đất như quy định tại Quyết định số 189 của Bộ Tài chính.

6) Tổ chức, cá nhân thuê đất ngoài việc phải trả tiền thuê đất theo đơn giá quy định tại Điều này, còn phải trả phí đền bù thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất của người có đất bị thu hồi để cho mình thuê và được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Điều 8.- Những biện pháp khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp Sông công.

1) Giá thuê đất thô để phát triển hạ tầng KCN Sông Công :

- Giá thuê đất là 60đ/m²/năm

- Doanh nghiệp phát triển hạ tầng KCN được miễn tiền thuê đất thô trong 10 năm đầu kể từ khi ký hợp đồng thuê đất và giảm 50% cho những năm còn lại.

2) Doanh nghiệp khu Công nghiệp (Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào KCN) chi trả trước tiền đền bù và san lấp mặt bằng thì được thuê lại đất theo giá thuê đất thô (60đ/m²/năm) trong suốt thời gian thực hiện dự án (nhà đầu tư chỉ phải trả phí sử dụng hạ tầng).

3) Giá thuê lại đất trong KCN Sông công I :

Giá thuê lại đất có phí sử dụng hạ tầng tại KCN Sông Công I đối với 15 ha đất công nghiệp đầu tiên là : 0,27 USD/m²/năm, trong đó :

+ Giá thuê lại đất là 0,07 USD/m²/năm

+ Phí sử dụng hạ tầng là 0,20 USD/m²/năm

4) Chế độ miễn giảm tiền thuê lại đất và phí sử dụng hạ tầng tại KCN Sông công I :

4.1- Các dự án đầu tư vào KCN Sông Công I đáp ứng một trong các điều kiện sau đây sẽ được miễn, giảm tiền thuê lại đất và phí sử dụng hạ tầng :

- a) Tham gia lấp đầy 15 ha đất công nghiệp đầu tiên.
- b) Xuất khẩu từ 50% sản phẩm trở lên.
- c) Sản xuất hàng hoá từ nguồn nguyên liệu của địa phương.
- d) Trả trước hơn 90% giá trị tiền thuê lại đất và phí sử dụng hạ tầng.
- e) Sử dụng trên 100 lao động là người địa phương.

4.2- Mức miễn giảm được quy định như sau :

- Được giảm 50% giá tiền thuê lại đất trong 04 năm đối với các dự án đáp ứng được 1 trong 5 điều kiện trên (nêu tại mục 4.1 Điều này).

- Được giảm 50% giá tiền thuê lại đất trong 04 năm và miễn phí sử dụng hạ tầng trong 2 năm đối với các dự án đáp ứng được 2 trong 5 điều kiện trên.

- Được giảm 50% giá tiền thuê lại đất trong 04 năm và miễn phí sử dụng hạ tầng trong 4 năm đối với các dự án đáp ứng được 3 trong 5 điều kiện trên.

- Được giảm 50% giá tiền thuê lại đất trong 04 năm và miễn phí sử dụng hạ tầng trong 6 năm đối với các dự án đáp ứng được 4 và 5 điều kiện trên.

- Được giảm 50% giá tiền thuê lại đất trong 04 năm và miễn phí sử dụng hạ tầng trong 7 năm đối với các dự án đáp ứng được đủ 5 điều kiện trên.

Điều 9.- Những chính sách ưu đãi về thuế đối với các dự án đầu tư nước ngoài thuộc thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư của UBND tỉnh.

1) Thái Nguyên là địa bàn khuyến khích đầu tư (theo quyết định của Chính phủ tại phụ lục I, Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000) nên các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên (trừ các dự án Tài chính, Ngân hàng, Bảo Hiểm, Thương mại và cung cấp dịch vụ ngoài khu công nghiệp) được hưởng chế độ ưu đãi nhất đối với các loại thuế phải nộp, được áp dụng mức thuế suất thấp nhất và chế độ miễn giảm ưu đãi nhất theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

2) Thuế thu nhập doanh nghiệp :

- Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% (mười phần trăm) được áp dụng trong suốt thời hạn thực hiện dự án đầu tư.

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (bốn năm) kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

- Riêng đối với các dự án BOT, BTO, BT đầu tư vào tỉnh Thái Nguyên; các dự án thành lập doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao, doanh nghiệp dịch vụ công nghệ cao trong khu công nghệ cao; các dự án trồng rừng; các dự án xây dựng - kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng; các dự án có quy mô lớn và tác động lớn đối với kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên thuộc danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 08 năm kể từ khi kinh doanh có lãi.

3) Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài :

Nhà đầu tư nước ngoài được hưởng mức thuế suất thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài là 3% (ba phần trăm) số lợi nhuận chuyển ra nước ngoài.

4) Thuế nhập khẩu :

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc, phương tiện và vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất trong thời gian 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất.

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để thực hiện dự án BOT, BTO, BT; giống cây trồng, vật nuôi, nông dược đặc chủng được phép nhập khẩu để thực hiện dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, bộ phận rời, phụ tùng và vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh bán sản phẩm của mình sản xuất ra cho các doanh nghiệp khác để trực tiếp sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu tương ứng với số sản phẩm này.

5) Thuế giá trị gia tăng :

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các Bên hợp doanh không phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với :

a) Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được, nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Trường hợp dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng, nhưng trong dây chuyền đồng bộ đó có cả loại thiết bị, máy móc trong nước đã sản xuất được thì cũng không tính thuế giá trị gia tăng cho cả dây chuyền thiết bị, máy móc đồng bộ.

b) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

c) Nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm cung cấp cho các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu.

6) Hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp trong trường hợp tái đầu tư :

Nhà đầu tư nước ngoài dùng lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp khác từ hoạt động đầu tư ở Việt Nam để tái đầu tư vào dự án đang thực hiện tại tỉnh Thái Nguyên, hoặc đầu tư vào dự án mới tại tỉnh Thái Nguyên theo Luật đầu tư nước ngoài, nếu đáp ứng các điều kiện : Tái đầu tư vào những dự án được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, vốn tái đầu tư được sử dụng từ 3 năm trở lên và doanh nghiệp đã góp đủ vốn pháp định (hoặc đã góp đủ vốn để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh) ghi trong giấy phép đầu tư, thì được hoàn lại 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp đối với số lợi nhuận tái đầu tư.

III- Điều khoản thi hành

Điều 10.- Bản quy định này cụ thể hoá Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ và các văn bản pháp luật nhằm tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi để thu hút và sử dụng có hiệu quả các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình thực hiện, khi cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật, thì sẽ được sửa đổi, bổ sung theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư.

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH



Lương Đức Tính

Lương Đức Tính